

Bản án số: 99/2018/HS-ST
Ngày: 27/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN B, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Quảng Văn Minh
2. Ông: Lò Văn Ôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2018/TLST-HS ngày 17/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXXST-HS ngày 14/3/2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Lại Thị Đ; Tên gọi khác: Lại Thị Nh

Sinh năm: 1971, tại Điện Biên.

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Đội T, xã Thanh H, huyện Điện B, tỉnh Điện B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Đăng Đ (đã chết) và con bà Trần Thị T; có chồng Nguyễn Đức H và 02 người con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt truy nã từ ngày 29/5/2017 đến ngày xét xử, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại:

- Lò Thị O - SN 1970

Trú tại: Bản Nà B, xã Chiềng L, huyện Thuận Ch, tỉnh Sơn L, có mặt.

- Bạc Cầm M - SN 1968

Trú tại: Bản Nà B, xã Chiềng L, huyện Thuận Ch, tỉnh Sơn L, vắng mặt không có lý do.

- Anh Mùa A N - SN 1979

Trú tại: Bản Hồi H, xã Mường Nh, huyện Điện B, tỉnh Điện B, có mặt.

- Chị Lầu Thị Ch - SN 1981

Trú tại: Bản Hồi H, xã Mường Nh, huyện Điện B, tỉnh Điện B, có mặt.

- Chị Mai Thị H - SN 1965

Trú tại: Đội 5T, xã Thanh L, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Anh Tạ Văn B - SN 1969 (Chồng của Mai Thị H)

Trú tại: Đội 5B, xã Thanh L, huyện Điện B, tỉnh Điện B, vắng mặt có lý do.

- Anh Chá A D - SN 1970

Trú tại: Bản Huổi U, xã Mường P, huyện Điện B, tỉnh Điện B, có mặt

Đại diện hợp pháp cho người bị hại Lò Thị O và Bạc Cầm M: Ông Bạc Cầm Ch
- SN 1952

Trú tại: Khối Sơn Th, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có mặt.

5. Người làm chứng:

- Chị Lại Thị Th - SN 1967

Trú tại: Khối Sơn Th, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt không có lý do.

- Chị Cà Thị M - SN 1994

Trú tại: Đội 5T, xã Thanh L, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Chị Tạ Thị Kim O - SN 1995

Trú tại: Đội 5B, xã Thanh L, huyện Điện B, tỉnh Điện B, vắng có lý do.

- Anh Thảo A P - SN 1986 và chị Chá Thị Đ - SN 1991

Trú tại: Bản Pu L, xã Mường Nh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

- Tòng Thị S - SN 1983

Trú tại: Bản Chiềng Kh, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2013 đến tháng 10/2016 bị cáo Lại Thị Đ đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác để nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác:

Hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Bằng thủ đoạn gian dối với mục đích chiếm đoạt tài sản phục vụ mục đích cá nhân, bị cáo Đ đã đưa ra thông tin bị cáo có nhiều mối quan hệ quen biết nên có khả năng xin vào làm việc tại ngành xăng dầu, ngành giáo dục tỉnh Điện Biên, nếu ai có

nhu cầu Đ sẽ xin việc cho con, em họ vào làm việc tại các cơ quan nói trên nhưng Đ không có khả năng, không có mối quan hệ đã chiếm đoạt tiền của nhiều người.

Lần 1: Vào khoảng tháng 7/2013 Lại Thị Đ có đến nhà Lại Thị Th (là chị gái của Đ), sinh năm: 1967, trú tại: Khố Sơn Th, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên chơi. Do thời điểm đó Đ làm ăn thua lỗ và nợ tiền của nhiều người không có khả năng trả nợ, nên Đ đã đưa ra thông tin bản thân có khả năng xin việc vào các cơ quan Nhà nước nhằm chiếm đoạt tài sản. Nói với Th "Có ai có nhu cầu xin việc thì báo cho em", Th có hỏi lại "Có chắc chắn không" Đ trả lời "Có". Khoảng đầu tháng 9/2013, Đ xuống nhà Th, mục đích để vay tiền đi chữa bệnh cho chồng thì Th đã nói với Đ có Bạc Cầm Ch, sinh năm 1952, trú tại: Khố Sơn Th, thị trấn Tuần G, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên có nhờ vợ chồng Th xem có chỗ nào quen biết thì xin việc cho cháu của ông Ch tên là Bạc Cầm Nh, sinh năm 1992 vào cơ quan Nhà nước.

Thu nói tiếp: phải chắc chắn vì đây là chỗ thông gia bên nhà chồng của Th nếu không xin được thì mang tiếng lắm. Sau đó Đ đi về nhà khoảng giữa tháng 9/2013 do nhiều người đòi nợ không có tiền trả Đ đã đến nhà Th nhờ Th dẫn sang nhà Bạc Cầm Ch. Tại đây Đ tự giới thiệu là em gái ruột của Th hiện đang là giáo viên, qua trò chuyện Đ đã hỏi ông Ch "Cháu chú học cái gì ra, muốn xin vào đâu" ông Ch trả lời "Đưa cháu học kế toán ra" Đ nói tiếp "Nếu thế thì chỉ xin đi làm bán xăng dầu thôi" ông Ch hỏi lại "Thế có chắc chắn không" Đ trả lời "Chắc chắn xin được nhưng phải mất số tiền một trăm triệu đồng". Nghe vậy ông Ch đồng ý và bảo Đ: phải hai đến ba ngày gia đình mới thu xếp được tiền. Sau đó ông Ch cho Đ số điện thoại để liên lạc và bảo Đ cho số tài khoản để Ch gửi tiền vào tài khoản cho Đ. Do trước đó ông Ch có chị ruột là Lò Thị O, sinh năm 1970, trú tại bản Nà B, xã Chiềng L, huyện Thuận Ch, tỉnh Sơn L có nhờ ông Ch xin việc làm cho con trai là Bạc Cầm Nh. Nên ông Ch đã gọi điện thoại về cho bà O và nói có thể xin được việc cho cháu Nh đi bán xăng dầu nhưng phải hết 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) bà O đồng ý.

Từ cuối tháng 9/2013 đến cuối tháng 12/2013 bà O đã 03 lần trực tiếp cầm tiền lên huyện Tuần G đưa cho ông Ch. Lần 1: 50.000.000 đồng; Lần 2: 50.000.000 đồng và lần 3 là 15.000.000 đồng.

Sau khi thỏa thuận, Đ đi về nhà và nhiều lần gọi điện thoại cho ông Ch bảo ông Ch chuyển 50.000.000 đồng tiền đặt cọc, đồng thời gửi cho ông Ch số tài khoản của Đ mở tại Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Điện B. Ngày 24/9/2013 sau khi nhận từ bà O 50.000.000 đồng ông Ch đã gửi toàn bộ số tiền vào tài khoản của Đ. Từ ngày 24/9/2013 đến ngày 05/10/2013 Đ đã 02 lần rút hết số tiền tại 02 cây ATM trên địa bàn thành phố Điện Biên P, rồi dùng số tiền đi trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 10/12/2013 Đ đến nhà ông Ch báo gửi nốt 50.000.000 đồng còn lại để xin việc được nhanh hơn. Cùng ngày 10/12/2013 Đ và ông Ch đã lập biên bản thỏa thuận, với nội dung xin việc cho cháu Bạc Cầm Nh, có sự chứng kiến của Tòng Thị S, sinh năm:

1983, trú tại: Bản Chiềng Kh, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên, số tiền xin việc là 100.000.000 đồng; Đồng thời, ông Ch đưa cho Đô bộ hồ sơ xin việc của Bạc Cầm Nh. Ngày 11/12/2013 sau khi nhận tiền từ bà O, ông Ch tiếp tục gửi số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của Đ, cùng ngày Đ đã đến quầy giao dịch AGRIBANK chi nhánh huyện Điện B, tỉnh Điện B, thuộc địa phận phường Nam Th, thành phố Điện Biên Ph rút toàn bộ số tiền ông Ch đã gửi. Số tiền này Đ đã sử dụng vào việc trả nợ chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng cuối tháng 12/2013 Đ gọi điện thoại cho Lại Thị Th và nói: "Bây giờ cần phải có chứng chỉ bán xăng, dầu thì mới xin được việc, bảo chú Ch gửi mười năm triệu, để em nhờ người mua chứng chỉ". Sau khi nhận điện thoại Th đã đi sang nhà ông Ch nói lại nội dung vụ việc, ông Ch nhất trí. Khoảng 05 ngày sau ông Ch đưa cho Th 15.000.000 đồng, Th đã ra bến xe khách tuyến Tuần G - Điện B, gửi toàn bộ số tiền trên cho Đ. Số tiền này Đ cũng sử dụng vào việc trả nợ cho những người khác mà Đ vay trước đó.

Tổng số tiền Lại Thị Đ đã chiếm đoạt của Bạc Cầm Ch là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Số tiền này hiện Đ đã chi tiêu hết, Cơ quan điều tra chưa thu hồi lại được. Bạc Cầm Ch, Lò Thị O và bạc Cầm Nh yêu cầu Đ phải bồi thường toàn bộ số tiền trên.

Lần 2: Vào khoảng cuối tháng 5/2016 Đ đến nhà của vợ, chồng Chá Thị Đ, sinh năm: 1991 và Thảo A P, sinh năm: 1986 trú tại: Bản Pu L, xã Mường Nh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, do trước đó Đ nghe mọi người nói gia đình Đ có em trai tên là Chá A S học ra trường nhưng chưa xin được việc nên Đông hỏi Chá Th Đ “Gia đình có ai học sư phạm mầm non ra không” Chá Th Đ trả lời “Gia đình không có ai học sư phạm mầm non mà chỉ có em trai học khoa giáo dục chính trị trường Đại học sư phạm Tây Bắc nhưng chưa xin được việc, cô hỏi giúp xem có xin được việc hộ em trai cháu không”. Đ nói “Để xem có xin được không”. Khoảng đầu tháng 8/2016 do bị nhiều người đòi nợ, không có tiền trả Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của vợ chồng Ch Th Đ, nên Đ đã chủ động nói với Cha Th Đ là có thể xin được việc cho em trai của Đ, nếu xin ở huyện Điện B thì mất 150.000.000 đồng còn xin ở huyện khác là 100.000.000 đồng. Sau đó Ch Th Đ có gọi điện cho bố đẻ là Chá A D, sinh năm: 1970, trú tại: Bản Huổi U, xã Mường P, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên để hỏi ý kiến, ông D nhất trí. Khoảng 01 tuần sau Ch Th Đ nói lại với Đ là gia đình nhất trí xin việc cho em trai nhưng vì điều kiện khó khăn nên chỉ có thể giao trước số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn khi xin được việc ở đâu thì sẽ đưa đủ số tiền còn lại, Đ đồng ý. Ngày 27/8/2016 Đ xuống nhà của Ch Th Đ, tại đây Chá A D đã giao số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cùng hai bộ hồ sơ xin việc cho Đ, Đ nhận tiền và tự viết giấy biên nhận vay tiền, có chữ ký của hai bên và chữ ký của người làm chứng là Thảo A P.

Sau khi nhận được số tiền trên Đ đã sử dụng để làm ăn buôn bán nhưng bị thua lỗ hết. Hiện tại Đ chưa trả được số tiền trên cho anh Chá A D, Cơ quan điều tra chưa thu

hồi lại được. Chá A D yêu cầu Đ phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã nhận của gia đình. Ngoài ra anh D không yêu cầu gì khác.

Các lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Chiếm đoạt tài sản của chị Mai Thị H. Từ tháng 5/2015 đến tháng 6/2016 Lại Thị Đ đã 04 lần vay mượn tiền, tài sản của chị Mai Thị H, sinh năm: 1965, trú tại: Đội T, xã Thanh L, huyện Điện B, tỉnh Điện B để trả nợ và làm ăn buôn bán, do làm ăn thua lỗ, không có tiền trả Đ đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản.

Lần 1: Vào ngày 10/5/2015 Đông gọi điện thoại cho chị Mai Thị H để hỏi vay tiền, chị H nhất trí cho Đ vay số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi năm triệu đồng) do thời gian đó chị H đang đi thăm người nhà ở tỉnh Phú Th, nên đã bảo Đ đến nhà gặp con dâu tên Cà Thị M, sinh năm: 1994 để lấy tiền. Cùng ngày Đ đến nhà gặp Cà Thị M, do được chị H gọi điện trước nên M đã giao cho Đ vay số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi năm triệu đồng) 02 bên có viết giấy vay tiền tính lãi suất là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/01 tháng, hạn trả nợ là ngày 01/01/2016. Khi giao nhận tiền, hai bên có làm biên bản và có Tạ Thị Kim O, sinh năm: 1995 (Con đẻ Mai Thị H) là người làm chứng cùng ký vào biên bản vay tiền. Sau khi vay tiền Đ đã trả cho chị H 14.000.000 đồng tiền lãi.

Lần 2: Ngày 22/01/2016 Đông đến nhà chị Mai Thị H chơi và hỏi mua nợ 20kg mật ong của chị H với giá là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi mua mật ong của chị H, Đ đã đem bán cho người khác kiếm lời.

Lần 3: Ngày 15/5/2016 Đ đến nhà chị H hỏi vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng). Khi vay tiền Đ tự viết giấy vay tiền, có Tạ Thị Kim O (Con đẻ Mai Thị H) là người làm chứng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng)/01 tháng, thời điểm trả tiền nợ là ngày 30/8/2016. Sau khi vay tiền Đ đã trả cho chị H 10.000.000 đồng tiền lãi.

Lần 4: Ngày 01/6/2016 Đ đến nhà chị H để hỏi vay tiền, chị H đã cảm sỗ tiết kiệm của gia đình, cùng Đ đi ra Ngân hàng đầu tư tỉnh Điện Biên để rút số tiền 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng). Sau khi rút được tiền cả hai cùng đi về nhà chị H, tại đây chị H đã đưa cho Đ vay toàn bộ số tiền 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng). Sau khi nhận tiền Đ tự viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 15/6/2016 sẽ trả lại cho chị H toàn bộ số tiền trên. Số tiền này chị H không tính lãi suất.

Tổng số tiền Đ vay mượn của chị Mai Thị H là 117.400.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng). Trong các lần vay mượn Đ mới trả cho chị H được một phần tiền là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), chị H không yêu cầu Đ phải trả tiền lãi xuất như đã thỏa thuận. Sau khi trừ đi số tiền 24.000.000 đồng Đ đã trả, chị H yêu cầu Đ phải trả nốt số tiền gốc còn lại là 93.400.000 đồng (Chín mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Chiếm đoạt của Mùa A N.

Ngày 22/8/2016 Đến nhà của vợ chồng anh Mùa A N, sinh năm: 1979; Lâu Thị Ch, sinh năm: 1981 cùng trú tại: bản Hồi H, xã Mường Nh, huyện Điện Biên, mục đích để hỏi vay tiền Nénh. Đ đã nói với vợ chồng anh N là “Hiện con gái chị đã học y

xong, đang xin việc làm ở dưới Hà Nội còn thiếu tiền năm mươi triệu đồng gia đình em có cho chị vay đến tháng 10/2016 thì chị trả”. Khi đó anh N nói gia đình cũng không có nên chỉ có thể cho vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng). Sau khi nhất trí cho vay, anh N đã giao số tiền trên cho Đ hai bên có viết giấy vay tiền, hẹn trả tiền là ngày 01/10/2016, số tiền trên anh N không tính lãi suất đối với Đ. Sau khi nhận tiền xong thì Lại Đ đã sử dụng số tiền trên để làm ăn, buôn bán, kinh doanh nhưng đều bị thua lỗ hết. Ngày 10/10/2016 do không có tiền trả nợ, Đ đã bỏ trốn vào tỉnh Bình D để trốn tránh việc trả nợ của mình. Ngày 29/5/2017 Đ bị Phòng PC52 - Công an tỉnh Bình Dương bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên.

Mùa A N yêu cầu Lại Thị Đ phải trả lại số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng), ngoài ra anh N không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 16/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Lại Thị Đ về các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 139/BLHS năm 1999 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 BLHS năm 1999

Tại phiên tòa bị cáo Lại Thị Đ cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố. Do bị cáo làm ăn thua lỗ và cần có tiền để trả nợ và tiêu sài mục đích cá nhân nên bị cáo đã đưa ra các thông tin rằng bị cáo có mối quan hệ, có khả năng xin việc cho Bạc Cầm Nh là cháu ông Ch vào bán xăng dầu nên đã yêu cầu ông Ch chuyển và đưa cho bị cáo 2 lần với tổng số tiền là 100.00.000 đồng, còn 15 000.000 đồng bị cáo nhận trực tiếp từ Lại Thị Th (Là chị gái Bị cáo) do ông Ch nhờ đưa trực tiếp cho bị cáo, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là từ ông Ch 115.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền trên là do bà Lò Thị O mẹ của cháu Bạc Cầm Nh đưa cho ông Ch. Sau khi nhận được tiền, bị cáo không xin được việc cho cháu Bạc Cầm Nh và cũng không trả lại số tiền trên cho ông Ch. Bị cáo cam kết khi nào chấp hành án xong về địa phương làm ăn sẽ trả nợ số tiền trên cho bà Lò Thị O. Ngoài ra bị cáo còn nhận xin việc cho Chá A S là con trai của ông Chá A D nên đã lừa lấy số tiền 50.000.000 đồng của ông Chá A D nhưng bị cáo đã không xin việc cho cháu Chá A S, bị cáo đã dùng số tiền trên trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Tổng số tiền 2 lần chiếm đoạt của 2 người là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Thông qua hình thức vay mượn, bị cáo đã 04 lần vay của chị Mai Thị H để làm ăn buôn bán. Tổng số các lần vay là 117.400.000 đồng, bị cáo đã trả cho chị H được 24.000.000 đồng, còn lại số tiền 93.400.000 đồng, bị cáo cam kết sau khi chấp hành xong hình phạt có điều kiện sẽ trả cho chị H.

Bị cáo cũng đã vay của Mùa A N số tiền 25.000.000 triệu đồng để làm ăn kinh doanh buôn bán song do làm ăn thua lỗ nên mất khả năng trả nợ. Bị cáo thừa nhận do không có khả năng trả nợ đã bỏ trốn vào tỉnh Bình D nhằm trốn tránh việc trả nợ.

Tổng số tiền hai lần bị cáo đã chiếm đoạt của chị H và anh N là 118.400.000 đồng (Một trăm mười tám triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn thật thà khai báo, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp cho người bị hại: Ông Bạc Cẩm Ch, người bị hại Lò Thị O tại phiên tòa yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 115.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm hình sự do bị cáo không có tiền trả cho người bị hại, ông Ch, bà Lò Thị O đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Ông Chá A D yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 50.000.000 đã chiếm đoạt, không yêu cầu thêm gì khác. Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Chị Mai Thị H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền gốc 93.400.000 đồng, chị không yêu cầu bị cáo phải trả lãi. Về trách nhiệm hình sự, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Mùa A N yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải trả lãi. Về trách nhiệm hình sự, Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ nguyên quyết định truy tố, luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điểm e Khoản 2 Điều 139/BLHS; Điểm d khoản 2 Điều 140 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV; Khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015 về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Lại Thị Đ từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS năm 2015 tổng hợp hình phạt đối với bị cáo thành 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 điều 139 BLHS năm 1999 và khoản 5 điều 140 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về vật chứng vụ án: Chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc với ông Bạc Cẩm Ch cùng 03 bộ hồ sơ xin việc bị cáo đã nhận của những người bị hại, bị cáo đã vứt đi, nên Cơ quan điều tra không thu giữ lại được

Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015. Các điều 584, 585, 589, 357 BLDS năm 2015 buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại Lò Thị O, Chá A D, Mai Thị H, Mùa A N theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 /BLTTHS năm 2015 và điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị

cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 14.170.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí DSST có giá ngạch.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ tội cho bị cáo

Đại diện hợp pháp cho người bị hại ông Bạc Cầm Ch có ý kiến: Tại phiên tòa nếu bị cáo trả lại tiền cho chị gái tôi là Bà Lò Thị O thì tôi sẽ xin HĐXX giảm nhẹ tội cho bị cáo song bị cáo đã lừa đảo không có tiền trả cho bà O nên tôi đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bị hại: Lò Thị O, Chá A D, Mai Thị H, Mùa A N không có ý kiến tranh luận gì khác đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo bị truy tố: Do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên từ tháng 5/2013 đến tháng 8/2016 bằng thủ đoạn đưa ra thông tin bị cáo có thể xin được việc làm trong ngành giáo dục, công ty xăng dầu, bị cáo đã nhận tiền rồi chiếm đoạt tài sản của các bị hại: Lần 1: Chiếm đoạt của bà Lò Thị O là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng); Lần 2: Chiếm đoạt của Chá A D là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền chiếm đoạt của bà O và anh D là: 165.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của các bị hại trên bị cáo không xin việc cho con của họ như đã hứa mà dùng vào việc trả nợ và tiêu sài cá nhân. Đến nay bị cáo chưa trả cho các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo Lại Thị Đ đã hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 BLHS năm 1999

Từ tháng 4/2015 đến tháng 6/2016 lợi dụng sự tin tưởng của người khác thông qua các hợp đồng vay mượn tiền và tài sản. Bị cáo đã vay của Mai Thị H tổng số tiền là 117.400.000 đồng, bị cáo đã trả 24.000.000 đồng, còn 93.400.000 đồng bị cáo chưa trả. Vay của Mùa A N số tiền là 25.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt của 2 người là 118.400.000 đồng. Sau khi vay được tiền, bị cáo đã dùng vào việc trả nợ cho người khác và làm ăn. Song do bị cáo làm ăn thua lỗ mất khả năng trả nợ, bị cáo đã không có ý thức cố gắng trả các khoản nợ trên nên đã bỏ trốn nhằm trốn tránh việc trả các khoản nợ trên. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 140 BLHS năm 1999

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội.

Từ những phân tích trên, HĐXX khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo về 2 tội danh trên là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của 2 người khác nhau với tổng số tiền đã chiếm đoạt là 165.000.000. Hành vi của bị cáo có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 với mức hình phạt từ 02 đến 07 năm tù.

Lợi dụng sự tin tưởng của người khác bị cáo đã vay mượn tiền, tài sản có viết giấy vay nợ rồi bỏ trốn nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ: Bị cáo đã vay của Mai Thị H tổng số tiền 117.400.000, bị cáo đã trả 24.000.000 triệu đồng, còn lại 93.400.000 đồng. Vay của Mùa A N số tiền 25.000.000 đồng. Tổng số tiền đã chiếm đoạt là 118.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 BLHS năm 1999 với mức hình phạt từ 02 đến 07 năm tù.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Lại Thị Đ sinh ra và lớn lên tại Điện Biên học hết 12/12. Năm 1995 học Trung cấp sư phạm Tuần G đến năm 1997 tốt nghiệp ra trường. Từ tháng 8/1997 đến năm 2000 công tác tại trường THCS xã Thanh H, huyện Điện B. Từ tháng 9 năm 2000 đến tháng 10/2001 công tác tại trường Tiểu học số 1 Nà T, huyện Điện Biên. Từ tháng 11 năm 2001 đến tháng 6/2004 học lớp quản lý tại Hà N. Từ tháng 8/2004 đến tháng 9/2010 công tác tại trường tiểu học xã Mường Nh, huyện Điện Biên. Từ tháng 10/2010 đến tháng 9/2012 công tác tại Trường tiểu học số T, xã Sam M, huyện Điện B. Từ tháng 10/2012 chuyển công tác đến trường tiểu học xã P L, xã Mường Nh, huyện Điện B. Ngày 10/10/2016 có hành vi bỏ việc cơ quan rồi bỏ trốn. Đến ngày 30/11/2016 đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ B quyết định cho thôi việc.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV, Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội. HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có mẹ đẻ là bà Trần Thị T được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3. HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015

Tuy nhiên bị cáo đã 2 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 2 lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

HĐXX căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và các quy định có lợi cho bị cáo để quyết định một hình phạt phù hợp đối với bị cáo nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội giáo dục cải tạo cải sửa lỗi lầm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội

Những vấn đề liên quan khác liên quan: Ngày 28/10/2016 vợ, chồng Lò Văn T, sinh năm: 1979 và chị Lường Thị L, sinh năm: 1982 cùng trú tại: Bản Khon K, xã Mường Nh, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên có đơn tố cáo Lại Thị Đ và Lò Văn T", sinh năm: 1985, trú tại: Bản Pá Kín T, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên về việc Lại Thị Đ đã mượn sổ hộ nghèo của gia đình anh chị để vay số tiền 40.000.000 đồng qua ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên. Sau khi vay tiền Đ đã chiếm đoạt số tiền trên. Quá trình điều tra xác định: Vào ngày 26/8/2015 sau khi vay được của Ngân hàng chính sách huyện Điện Biên, Lò Văn T" đã vay toàn bộ số tiền để làm ăn. Đến ngày 16/9/2015 Lò Văn T" và anh T đã viết giấy vay tiền với nội dung T là người vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Trong số tiền trên anh Lò Văn T có trách nhiệm trả số tiền gốc là 7.890.000 đồng (Bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) đây là số tiền T" đã trả nợ cho anh T tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên Đ, cũng trong tháng 10/2016 anh T đã mua của T" một xe mô tô làm phương tiện đi lại. Sau khi cộng trừ các khoản T" đã trả cho vợ chồng T, hai bên thống nhất anh T phải trả nợ ngân hàng khoản tiền gốc, lãi là 13.000.00 đồng (Mười ba triệu đồng), T" có trách nhiệm trả cho ngân hàng khoản tiền còn lại là 27.000.000 đồng, hình thức trả lãi gốc theo hợp đồng vay. Xét đây là mối quan hệ dân sự giữa anh T và Lò Văn T", không liên quan đến hành vi phạm tội của Lại Thị Đ, HĐXX không xem xét.

Ngày 03/11/2016 Đinh Văn H, sinh năm: 1985, trú tại: Bản Trung Tâm, xã Mường Nh, h Điện B, tỉnh Điện B, có đơn tố cáo với những nội dung sau: Ngày 20/01/2016 Lại Thị Đ vay 20.000.000 đồng, hai bên làm giấy vay tiền hẹn đến ngày 20/3/2016 Đ trả hết số tiền gốc và số tiền lãi; Ngày 29/12/2015 Lò Văn T" vay 110.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đến ngày 07/02/2017 T" sẽ trả toàn bộ số tiền lãi, tiền gốc. Đến hạn theo thỏa thuận cả Đ và T" đều không ai trả số tiền đã vay cho H. Quá trình điều tra xác định: Đối với khoản tiền cho Lại Thị Đ vay. Sau khi kiểm tra lại sổ theo dõi anh H xác định Đ đã trả hết số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi của số tiền trên vào ngày 16/3/2016; Đối với khoản tiền H cho Lò Văn T" vay. Ngày 07/9/2016 hai bên có viết giấy vay nợ với nội dung từ ngày 07/9/2016 đến ngày 07/02/2017 T" sẽ trả toàn bộ số tiền lãi, tiền gốc cho anh H. Đến ngày 10/10/2016 Lò Văn T" bỏ việc tại trường tiểu học Pu L, xã Mường Nh, huyện Điện B để đi vào trong tỉnh Bình D làm thuê lấy trả nợ cho anh H và những người khác. Đến đầu tháng 6/2017 Lò Văn T" về nhà và có sang nhà H gặp và nói với H là

đang đi làm thuê để lấy tiền trả nợ cho H. Ngày 16/9/2017 Lò Văn T" và Đinh Văn H có biên bản thỏa thuận thống nhất với nhau là để Lò Văn T" đi làm thuê lấy tiền trả nợ dần cho Đinh Văn H.

Ngày 28/9/2017 anh Đinh Văn H có đơn đề nghị các cơ quan pháp luật không giải quyết khoản vay mượn nói trên. Xét việc vay tiền giữa Lại Thị Đ, Lò Văn T" với Đinh Văn H chỉ là mối quan hệ dân sự nên Cơ quan điều tra không đề cập hướng giải quyết trong vụ án, HĐXX không xem xét.

Ngoài việc vay mượn các khoản tiền nêu trên bị cáo còn khai nhận đã vay tiền của Ngân hàng và một số người cụ thể như sau:

Vay của Đỗ Thị Th, Nguyễn Đình Th. Từ tháng 10/2013 đến tháng 7/2016 Lại Thị Đ đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng Đỗ Thị Th, sinh năm: 1967; Nguyễn Đình Th, sinh năm: 1962 cùng trú tại: Tổ 22, phường Nam Th, thành phố Điện B Ph, tỉnh Điện Biên, để làm ăn buôn bán với tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền gốc và tiền lãi là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Vay của Hoàng Văn T. Từ cuối năm 2013 đến tháng 9/2016 Lại Thị Đ đã đến hiệu cầm đồ của Hoàng Văn T, sinh năm: 1966, trú tại: Đội C17 T, xã Thanh X, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên, vay tiền nhiều lần với tổng số tiền gốc và tiền lãi là 104.000.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu đồng)

Vay của Lê Thế H. Từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2016 Lại Thị Đ đã đến quán cầm đồ của anh Lê Thế H, sinh năm: 1984, chỗ ở: Tổ T, phường M Th, thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện B, hỏi vay tiền 03 lần với tổng số tiền vay của anh H là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Vay của Tạ Thị Đ. Vào khoảng tháng 8/2014 Đ đến nhà chị Tạ Thị Đ, sinh năm: 1959, trú tại: Khôi 10, thị trấn Mường Ả, huyện Mường Ả, tỉnh Điện B, để hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Sau khi vay Đ đã trả được cho bà Đ là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền lãi. Hiện tại còn nợ bà Đ số tiền gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

Vay của Nguyễn Thị H. Vào ngày 23/4/2015 Lại Thị Đ đến nhà chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980, trú tại: Tổ 10, phường Nam Th, thành phố Điện Biên Ph, tỉnh Điện Biên, hỏi vay số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Sau khi vay tiền Đ đã trả cho chị H 6.600.000 đồng tiền lãi.

Cơ quan điều tra đã tiến lấy lời khai của Đỗ Thị Th, Nguyễn Đình Th, Hoàng Văn T, Lê Thế H, Tạ Thị Đ, Nguyễn Thị H và tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ xác định: Việc những người có tên trên cho bị cáo vay tiền là có thật, song tất cả đều không cung cấp được đầy đủ các giấy tờ vay mượn tiền với bị cáo đồng thời đều xác định là mối quan hệ dân sự và không đề nghị các cơ quan pháp luật giải quyết. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên không đặt vấn đề xử lý trong vụ án, HĐXX không xem xét.

Các khoản tiền Lại Thị Đ vay của các Ngân hàng

Tổng số tiền Lại Thị Đ hiện đang vay nợ các Ngân hàng cụ thể: Ngân hàng Liên Việt Bưu Đ chi nhánh tỉnh Điện B, qua 02 lần vay là 196.348.505 (Một trăm chín mươi

sáu triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm linh năm đồng); Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện B số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Các khoản vay này của Đ hiện đều đang trong kỳ hạn trả nợ, Ngân hàng Bưu điện Liên V, ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện B không có yêu cầu, đề nghị gì về các khoản vay trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên không đặt vấn đề xử lý, HĐXX không xem xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo Khoản 5 Điều 139 và khoản 5 Điều 140 BLHS năm 1999. Song xét thấy hoàn cảnh gia đình bản thân bị cáo đã bị buộc thôi việc, làm ăn thua lỗ mất khả năng thanh toán lại phải chấp hành án nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015. Các điều 584, 585, 589, 357 BLDS 2015 buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại bà Lò Thị O số tiền 115.000.000 đồng, Chá A D số tiền 50.000.000 đồng, Mai Thị H số tiền 93.400.000 đồng, Mùa A N số tiền 25.000.000 đồng và lãi chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và $(115.000.000 + 50.000.000 + 93.400.000 \text{ đồng} + 25.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 14.170.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tổng số án phí bị cáo phải chịu là 14.370.000 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lại Thị Đ phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999; Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung theo luật số 12/2017/QH 14 ngày 20/6/2017; Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV, Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo: 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 140 BLHS năm 1999; Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS; khoản 2 Điều 51/ BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung theo luật số 12/2017/QH 14 ngày 20/6/2017; Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV, Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo: 04 (Bốn) năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS năm 2015 tổng hợp hình phạt cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 30/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015. Các điều 584, 585, 589 BLDS năm 2015 buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại:

- Trả cho bà Lò Thị O số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng)
- Trả cho anh Chá A D số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)
- Trả cho chị Mai Thị H số tiền 93.400.000 đồng (Chín mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng)
- Trả cho anh Mùa A N số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền trên thì bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 14.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng hai khoản bị cáo phải chịu là 14.370.000 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm có mặt những người sau: Bị cáo, những người bị hại chị Lò Thị O, chị Mai Thị H, anh Mùa A N, Anh Chá A D, Lầu Thị Ch người đại diện hợp pháp cho người bị hại ông Bạc Cầm Ch. Người bị hại Tạ Văn B, Bạc Cầm M vắng mặt.

Bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp cho người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/3/2018.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- CQ cảnh sát điều tra, CA huyện DB;
- Phòng HSNVCA T Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- THA DS Điện Biên, THA HS;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Đại diện hợp pháp cho người bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hà

HỘI THẨM

HỘI THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hà

